

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HNGĐ-PT

Ngày 28 tháng 10 năm 2020

*V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hà

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Duy Luân

Bà Lương Hải Yên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Tiến Thành - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:**

Bà Đỗ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 54/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H – sinh năm 1976

2. *Bị đơn kháng cáo:* Anh Trần Mạnh H1, sinh năm 1966

Đều cư trú tại: Số nhà 655A, đường T, thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1942

Nơi cư trú: Khu 4, thị trấn N, huyện G, tỉnh Nam Định.

3.2. Anh Nguyễn Quang H2, sinh năm 1973

Nơi cư trú: Số nhà 38A, HT43, khu phố 3 H, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.  
(Chị H, anh H1 đều có mặt, ông V, anh H2 có đơn xin vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

#### **1. Về quan hệ hôn nhân:**

\* Chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị và anh Trần Mạnh H1 có quan hệ tình cảm với nhau từ năm 1999. Năm 2000, chị H sinh con chung với anh H1 và đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại thị trấn Ngô Đồng, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định sinh sống. Năm 2003, chị H và anh H1 chính thức chung sống với nhau như vợ chồng cho đến nay. Do nhận thức pháp luật không đúng nên chị H và anh H1 không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên cãi chửi nhau và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ năm 2018, chị và anh H1 sống ly thân. Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh H1, nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị H với anh H1 là vợ chồng.

\* Anh Trần Mạnh H1 trình bày: Về thời gian, quá trình chung sống với nhau như vợ chồng, anh H1 trình bày phù hợp với lời khai của chị H. Anh H1 cũng xác định anh và chị H không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống với nhau hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nên từ năm 2018 cho đến nay kinh tế giữa hai người độc lập, đến đầu năm 2019 chính thức sống ly thân, tuy ở cùng nhà nhưng mọi sinh hoạt đều độc lập, không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau nữa. Anh H1 xác định mâu thuẫn đã trầm trọng vì chị H sống không nghiêm túc, quan hệ lãng nhãng với nhiều người, do vậy anh H1 đồng ý với yêu cầu của chị H về việc không công nhận anh H1 và chị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị H và anh H1 thống nhất trình bày, vợ chồng anh chị có 02 con chung là Trần Nguyễn Phúc Hà U, sinh ngày 19/5/2000 và Trần Doanh Q, sinh ngày 18/9/2010. Cháu Hà U đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên anh H1 và chị H không có yêu cầu giải quyết về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hà U. Đối với cháu Trần Doanh Q thì chị H và anh H1 đều có nguyện vọng được

trực tiếp nuôi con chung. Nếu được nuôi con chung thì anh H1, chị H đều không yêu cầu phía bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H cho rằng, từ khi sinh con Trần Doanh Q, chị H là người trực tiếp chăm sóc cho con, thường xuyên đưa đón con đi học, họp phụ huynh, đóng học phí và các khoản đóng góp khác cho con. Hiện tại chị làm nghề thợ may, thu nhập bình quân 6-7 triệu/tháng nên đủ điều kiện về vật chất để chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Anh H1 trình bày: Chị H không có nhân cách và không đủ điều kiện nuôi con Trần Doanh Q. Chị H mới mở cửa hàng may vá, sửa chữa quần áo tại nhà được hai ba năm trở lại đây nhưng thu nhập thấp vì ít khách. Chị H thường xuyên đóng cửa sang quê ngoại bên Nam Định chơi, đưa cả cháu Q đi làm ảnh hưởng đến sức khỏe, học tập của con. Hiện tại, anh H1 là Phó giám đốc Công ty Thương mại dịch vụ N, thu nhập hàng tháng khoảng 13.500.000 đồng. Ngoài ra, anh còn làm tư vấn thiết kế phong thủy, thu nhập thêm mỗi tháng khoảng 20.000.000 đồng – 25.000.000 đồng.

### 3. Về tài sản chung:

\* Chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị và anh H1 có tài sản chung gồm 01 nhà hai tầng, diện tích sử dụng khoảng 100m<sup>2</sup>, xây trên diện tích 56m<sup>2</sup> đất tại thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình mang tên chị và anh H1. Về nguồn gốc nhà đất: Sau khi bán nhà đất ở phường Quang Trung, chị H và anh H1 lấy tiền mua đất ở thôn T, đến năm 2009 thì anh chị xây nhà ở, chi phí hết 200.000.000 đồng. Nguồn tiền xây nhà là do chị H và anh H1 tiết kiệm được và vay thêm của anh H2 (anh trai chị H) số tiền 100.000.000 đồng. Chị H xác định công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên là 50/50, chị H có nguyện vọng được sở hữu, sử dụng nhà đất và thanh toán giá trị chênh lệch 50% giá trị tài sản cho anh H1.

\* Anh Trần Mạnh H1 trình bày: Vợ chồng anh có tài sản chung như chị H trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh H1 cho rằng nguồn gốc đất là của mẹ anh H1 là bà Hà Thị L cho anh H1 tiền để nhận chuyển nhượng nhà đất tại phường Tiền Phong của bà Trần Thị Đ với diện tích là 33,8m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 26/3/2004 mang tên Trần Mạnh H1. Sau đó, anh H1 lại chuyển nhượng mảnh đất này để nhận chuyển nhượng nhà, đất của ông Nguyễn Văn R ở phường Quang Trung với diện tích 40,3m<sup>2</sup>. Khi đó anh và chị H còn chung sống hạnh phúc và đã có con chung nên anh

H1 đồng ý nhập vào tài sản chung nên nhà, đất mang tên anh H1, chị H tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/7/2004. Năm 2008, anh H1, chị H lại chuyển nhượng mảnh đất này để lấy tiền nhận chuyển nhượng đất tại thôn T, xã V, thành phố T. Mẹ anh H1 và các chị em trong gia đình chỉ đồng ý cho anh H1 số tiền trên chứ không cho chị H vì từ trước đến nay gia đình anh không thừa nhận chị H là con dâu. Anh H1 cho rằng công sức đóng góp vào khối tài sản chung của anh H1 là 90% - 100% nên anh H1 đề nghị được sở hữu, sử dụng nhà, đất và thanh toán chênh lệch cho chị H 10% giá trị của tài sản.

#### 4. Về nợ chung:

\* Chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Năm 2009, anh chị xây nhà có vay của anh Nguyễn Văn H2 (anh trai chị H) 100.000.000 đồng. Anh H2 gửi tiền vào tài khoản của chị H tại Ngân hàng Đông Á. Năm 2010, anh H2 ra nhà ngoại chị H chơi, khi đó anh em mới viết giấy biên nhận vay 100.000.000 đồng, giấy biên nhận do anh H1 viết. Đến nay vẫn chưa trả khoản nợ này cho anh H2, nên chị H yêu cầu anh H1 phải có trách nhiệm trả cho anh H2  $\frac{1}{2}$  khoản nợ này. Ngoài ra, ông Nguyễn Quang V (bố đẻ chị H) còn cho anh H1 mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision, biển kiểm soát 18 G1 – 067.94 để chở con cái đi học. Nên chị H yêu cầu anh H1 phải trả lại ông V chiếc xe mô tô này.

\* Anh Trần Mạnh H1 trình bày: Anh H1 không thừa nhận khoản vay của anh H2 là nợ chung của vợ chồng nên không có trách nhiệm trả nợ khoản vay này. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision, biển kiểm soát 18 G1 – 067.94 mang tên ông Nguyễn Quang V, anh H1 xác định chiếc xe này là tài sản chung của anh và chị H nên đề nghị Tòa án chia tài sản này cho anh H1, chị H. Anh H1 không đồng ý trả xe cho ông V do chị H cư xử không đúng và lừa dối anh H1.

\* Ông Nguyễn Quang V trình bày: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision, biển kiểm soát 18 G1 – 067.94 là tài sản của ông V, cho anh H1 mượn để làm phương tiện đưa các cháu đi học. Nay anh H1 và chị H ly hôn và chia tài sản, ông V yêu cầu anh H1 trả lại ông chiếc xe máy này và ông giao lại cho con gái ông là chị Nguyễn Thị Thu H sử dụng.

\* Anh Nguyễn Quang H2 trình bày: Ngày 15/01/2010, anh H2 có cho vợ chồng em gái là chị H, anh H1 vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 03 năm kể từ ngày

viết giấy vay nợ và sẽ trả dần mỗi năm ít nhất 15 triệu đồng nhưng đến nay đã 10 năm vợ chồng anh H1, chị H chưa trả khoản tiền nào. Nay anh H1, chị H ly hôn, anh H2 yêu cầu chị H, anh H1 phải trả anh số tiền này. Anh H2 không yêu cầu tính lãi suất đối với khoản vay này.

*Theo biên bản định giá:* Giá trị đất  $56\text{m}^2 \times 20.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 1.120.000.000$  đồng. Giá trị nhà là: 250.655.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 1.370.655.000 đồng.

Bản án số 24/2020/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 15, 16, 33, 53, 59, 63, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Mạnh H1 là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Doanh Q, sinh ngày 18/9/2010. Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về chia tài sản: Xác định khối tài sản chung của chị H, anh H1 gồm: Thửa đất số 225a, tờ bản đồ 04, diện tích đất  $56\text{m}^2$  nhà mái bằng hai tầng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK174441 do Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình cấp ngày 14/01/2008 mang tên ông Trần Mạnh H1 và bà Nguyễn Thị Thu H tại địa chỉ số nhà 655 A, đường T, thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Tổng giá trị tài sản là 1.370.655.000 đồng.

3.1. Chia cho chị Nguyễn Thị Thu H tài sản: Được sử dụng diện tích đất  $56\text{m}^2$  tại thửa đất số 225a, tờ bản đồ 04, sở hữu nhà mái bằng hai tầng tại địa chỉ số nhà 655 A, đường T, thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Thửa đất có tứ cận: Phía đông dài 14,0m giáp đất ông C, bà P; phía tây dài 14,0m giáp đất ông H, bà T; phía nam dài 04m

giáp đất ông R; phía bắc dài 04m giáp đường giao thông. Tổng giá trị tài sản là 1.370.655.000 đồng. Chị H có nghĩa vụ phải thanh toán chênh lệch tài sản và trả anh H2 thay anh H1, số tiền còn phải thanh toán: 747.327.500 đồng.

3.2. Chia cho anh Trần Mạnh H1 tài sản: Được sở hữu số tiền chị Nguyễn Thị Thu H thanh toán 747.327.500 đồng.

Anh Trần Mạnh H1 có quyền lưu cư để tạo dựng nơi ở mới trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày chị H thanh toán xong tiền chênh lệch tài sản.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Trần Mạnh H1 có đơn yêu cầu thi hành án, chị Nguyễn Thị Thu H không thi hành án hoặc thi hành được một phần thì phần còn lại phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

### 3.3. Về nợ:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Quang H2, buộc chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Mạnh H1 phải có trách nhiệm chung, mỗi người trả cho anh Nguyễn Quang H2 số tiền 50.000.000 đồng (Chị H có trách nhiệm trả anh H2 thay anh H1 50.000.000 đồng và đã trừ vào tiền thanh toán chênh lệch tài sản).

- Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quang V, buộc anh Trần Mạnh H1 phải trả cho ông Nguyễn Quang V chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision biển kiểm soát 18 G1 – 067.94 đăng ký xe mang tên ông Nguyễn Quang V.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/8/2020, anh Trần Mạnh H1 kháng cáo về nuôi con chung và chia tài sản chung.

\* Tại phiên tòa, anh Trần Mạnh H1 trình bày:

- Về nuôi con chung, anh H1 không đồng ý giao con cho chị H nuôi bởi: Thứ nhất, chị H không đủ tư cách đạo đức để dạy dỗ cháu Q vì chị H ngoại tình, thường xem phim đồi trụy, con gái lớn của anh H1 và chị H cũng khẳng định lỗi của mẹ nhiều hơn trong việc dẫn tới đổ vỡ của gia đình và mong muốn giao em cho anh H1 nuôi dưỡng, dạy dỗ. Thứ hai, chị H không có nghề nghiệp, ba năm trở lại đây làm may vá, sửa chữa quần áo cũ tại nhà nhưng thường xuyên đóng cửa vì ít việc nên thu nhập thấp, không đủ đảm bảo cuộc sống để có thể nuôi dưỡng cháu Q. Trong khi đó, anh H1 thu

nhập cao, công việc ổn định nên điều kiện nuôi dưỡng cháu Q tốt hơn. Thứ ba, chị H chưa học hết lớp 4, lại nhận thức ấu trĩ, phiền diện, không đủ tri thức để kèm cặp dạy dỗ cháu Q. Thứ tư, sức khỏe chị H không tốt, bị tim bẩm sinh nhiều lần ngất giữa đường, bị đau dạ dày và chứng bệnh lạnh sống lưng, không đảm bảo sức khỏe để trông nom, chăm sóc cháu Q được chu đáo.

- Về chia tài sản chung: Anh H1 đồng ý việc Tòa án xác định khối tài sản chung của anh H1, chị H. Tuy nhiên, anh H1 không đồng ý giao nhà, đất cho chị H sở hữu, sử dụng, bởi: chị H không có chút đóng góp nào đáng kể, không có chứng cứ xác thực nào về việc chị H có đóng góp tiền bạc trong cả ba lần chuyển đổi mua nhà đất và hai lần xây dựng nhà ở và nguồn gốc tạo lập khối tài sản chung đó đều là tiền riêng của anh H1.

- Về nợ chung: Anh H1 không được tiếp cận công khai đối với chứng cứ là 02 bản sao kê anh H2 chuyển số tiền 100.000.000 đồng cho chị H qua tài khoản ngân hàng Đông Á nên không biết hai bản sao kê này có hay không, là thật hay giả. Việc năm 2010, anh H1 viết giấy vay nợ anh H2 để nhằm mục đích anh H2 buộc anh H3 (em trai anh H2) mua nhà của anh H2 chưa có tiền trả cũng phải viết giấy vay nợ cho anh H2. Do vậy, anh H1 không đồng ý trả khoản nợ này vì không có vay mượn.

- Anh H1 không đồng ý trả lại chiếc xe mô tô cho ông V bởi: chiếc xe này là do ông V đề nghị anh mua lại chiếc xe Vision giúp ông V vì ông không biết đi nên anh H1 phải bán xe Dream của anh H1 đi để mua lại chiếc xe của ông V.

\* Chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H1, bởi những lời khai của anh H1 về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con và về công sức đóng góp của chị trong khối tài sản chung của vợ chồng là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh

Thái Bình. Đề nghị sửa quyền lưu cư của đương sự theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của anh Trần Mạnh H1 làm trong thời hạn luật định nên được đưa ra xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về con chung: Anh H1 đưa ra rất nhiều lý do cho rằng chị H không đủ điều kiện về vật chất, tinh thần để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, những lý do mà anh H1 đưa ra đều không có căn cứ chứng minh. Mặt khác, điều kiện cần và đủ để được quyền trực tiếp, chăm sóc con chung là có đạo đức, có công việc thu nhập ổn định để đảm bảo nhu cầu cơ bản của đứa trẻ, có chỗ ở ổn định và quan trọng hơn là phải xem xét nguyện vọng của con chung đã trên 07 tuổi là muốn được chung sống cùng ai. Trong vụ án này, chị H có công việc là thợ may, thu nhập ổn định, được giao sử dụng, sở hữu nhà, đất, cháu Q có nguyện vọng ở với chị H. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm giao con cho chị H nuôi là có căn cứ, đúng pháp luật. Việc anh H1 đưa ra lý do có thu nhập cao hơn chị H, có tri thức hơn chị H không làm ảnh hưởng đến điều kiện được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị H. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H1 về việc thay đổi người trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con chung.

[2.2] Về tài sản chung: Từ năm 2004, chị H và anh H1 đã nhận chuyển nhượng thửa đất tại phường Quang Trung của ông Nguyễn Văn R. Bản thân anh H1 cũng thừa nhận thời kỳ đó hai người đang chung sống với nhau, đã có con chung nên khi mua đất anh H1 đồng ý nhập vào là tài sản chung nên anh H1, chị H đã đứng tên chung trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/7/2004. Sau đó, anh chị chuyển nhượng thửa đất này và nhận chuyển nhượng đất tại xã V và cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/01/2008. Năm 2009, anh chị đã xây dựng nhà ở trên thửa đất này. Như vậy, việc Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xác định nhà và đất tại xã V là tài sản chung của anh H1, chị H là chính xác bởi tài sản này được hình thành trong thời kỳ hai người



chung sống như vợ chồng, cùng đứng tên chủ sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định công sức đóng góp của anh H1 vào thửa đất tại xã V nhiều hơn so với chị H bởi nguồn tiền nhận chuyển nhượng đất ban đầu của anh H1 tại phường Tiên Phong là tài sản riêng của anh H1, anh H1 đã dùng số tiền này để góp một phần vào việc nhận chuyển nhượng đất tại phường Quang Trung và đất tại xã V nên Tòa án cấp sơ thẩm chia cho anh H1 hưởng 60% giá trị đất, chị H được hưởng 40% giá trị đất là hợp lý, có căn cứ. Ngôi nhà được xây năm 2009, nguồn tiền xây nhà một phần là do anh H1, chị H tiết kiệm mà có, đồng thời có vay mượn của anh H2 (anh trai chị H) 100.000.000 đồng, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định công sức đóng góp của hai bên là ngang nhau nên chia mỗi người được hưởng 50% giá trị nhà là hợp lý, có căn cứ. Đối với việc Tòa án giao cho chị H được quyền sở hữu, sử dụng nhà đất và có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị nhà đất cho anh H1 là hợp lý bởi chị H không có chỗ ở nào khác, lại phải nuôi con nhỏ, có khả năng thanh toán tiền chênh lệch cho anh H1 và chị H là phụ nữ, thu nhập thấp hơn anh H1 nên việc xây dựng hay mua nhà ở nơi khác sẽ khó khăn, phức tạp hơn so với anh H1. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H1 về vấn đề phân chia tài sản chung.

[2.3] Về nợ chung: Anh H1 không thừa nhận đã vay của anh H2 số tiền 100.000.000 đồng nhưng bằng các tài liệu, chứng cứ là anh H1 thừa nhận có ký giấy vay nợ giữa anh H2, chị H và anh H1, số tiền vay đã được anh H2 chuyển khoản cho chị H có vận đơn chuyển tiền, thời gian chuyển tiền phù hợp với thời gian anh H1, chị H làm nhà. Việc anh H1 cho rằng giấy vay nợ anh H1 ký là để anh H2 lấy có ép em trai anh H2 mua nhà của anh H2 chưa trả hết tiền cũng phải viết giấy vay nợ là không hợp lý, không có căn cứ để chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh H1, chị H phải có nghĩa vụ trả nợ mỗi người 50.000.000 đồng cho anh H2 là có căn cứ. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision mang tên ông Nguyễn Quang V, anh H1 cho rằng ông V yêu cầu anh H1 mua lại chiếc xe này của ông V nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc mua bán chiếc xe này nên cần xác định là tài sản của ông V, buộc anh H1, chị H trả lại cho ông V chiếc xe mô tô là đúng pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên quyền lưu cư đối với anh Trần Mạnh H1 thời hạn 06 tháng kể từ ngày chị H thanh toán xong tiền chênh lệch tài

sản là không đúng quy định tại Điều 63 Luật Hôn nhân và gia đình. Mặt khác, bản án sơ thẩm không tuyên nghĩa vụ thi hành án của đương sự đối với khoản nợ của anh Nguyễn Quang H2 và nghĩa vụ trả tài sản cho ông Nguyễn Quang V là không đảm bảo quyền được yêu cầu thi hành án của ông V, anh H2. Do vậy, cần phải sửa bản án sơ thẩm về quyền lưu cư và bổ sung nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của anh Trần Mạnh H1 không được chấp nhận nên anh H1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 24, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Mạnh H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 24/2020/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình về phần nuôi con chung và chia tài sản chung, nợ chung. Sửa một phần bản án sơ thẩm về quyền lưu cư của anh Trần Mạnh H1 và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự. Cụ thể:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 15, 16, 33, 53, 59, 63, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Mạnh H1 là vợ chồng.

1.2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Doanh Q, sinh ngày 18/9/2010. Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi cần thiết.

1.3. Về chia tài sản: Xác định khối tài sản chung của chị H, anh H1 gồm: Thửa đất số 225a, tờ bản đồ 04, diện tích đất 56m<sup>2</sup> và 01 nhà mái bằng hai tầng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK174441 do Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình cấp ngày 14/01/2008 mang tên ông Trần Mạnh H1 và bà Nguyễn Thị Thu H tại địa chỉ số nhà 655 A, đường T, thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Tổng giá trị tài sản là 1.370.655.000 đồng.

1.3.1. Chia cho chị Nguyễn Thị Thu H được sử dụng diện tích đất 56m<sup>2</sup> tại thửa đất số 225a, tờ bản đồ 04, sở hữu 01 nhà mái bằng hai tầng tại địa chỉ số nhà 655 A, đường T, thôn T, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Thửa đất có tứ cận: Phía đông dài 14,0m giáp đất ông C, bà P; phía tây dài 14,0m giáp đất ông H, bà T; phía nam dài 04m giáp đất ông R; phía bắc dài 04m giáp đường giao thông. Tổng giá trị tài sản là 1.370.655.000 đồng. Chị H có nghĩa vụ phải thanh toán chênh lệch tài sản và trả nợ anh H2 thay anh H1. Số tiền chị H còn phải thanh toán cho anh H1 là 747.327.500 đồng.

1.3.2. Chia cho anh Trần Mạnh H1 được sở hữu số tiền do chị Nguyễn Thị Thu H thanh toán 747.327.500 đồng.

Anh Trần Mạnh H1 có quyền lưu cư để tạo dựng nơi ở mới trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.4. Về nợ:

1.4.1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Quang H2, buộc chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Mạnh H1 phải có trách nhiệm chung, mỗi người trả cho anh Nguyễn Quang H2 số tiền 50.000.000 đồng (chị H có trách nhiệm trả anh H2 thay anh H1 50.000.000 đồng và đã trừ vào tiền thanh toán chênh lệch tài sản).

1.4.2. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quang V, buộc anh Trần Mạnh H1 phải trả cho ông Nguyễn Quang V chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision biển kiểm soát 18 G1 – 067.94 đăng ký xe mang tên ông Nguyễn Quang V.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Trần Mạnh H1, anh Nguyễn Quang H2 có đơn yêu cầu thi hành án, chị Nguyễn Thị Thu H không thi hành án hoặc thi hành*

*được một phần thì phần còn lại phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

2. Về án phí: Anh Trần Mạnh H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004864 ngày 11/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 28/10/2020.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND, THA TP. Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Thị Hà**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Duy Luân**

**Lương Hải Yến**

**Đỗ Thị Hà**



